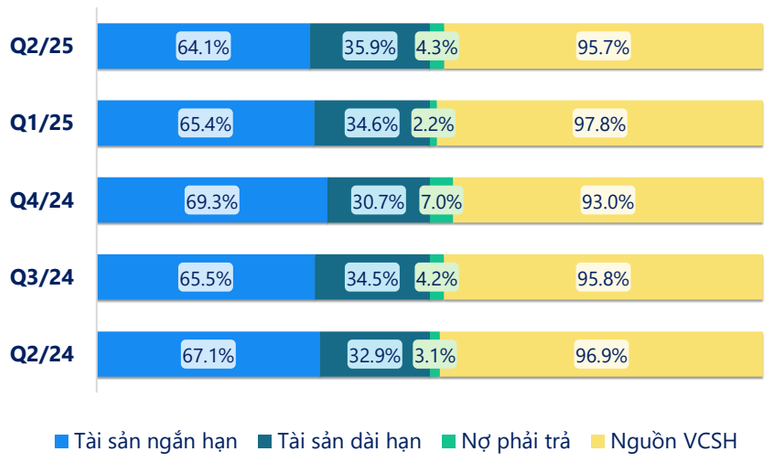
FireAnt

CTCP Cao su Công nghiệp (UPCOM: IRC)

Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	8,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	7,995
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	6,984
SL cổ phiếu LH	17,500,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	140
P/E	17.9
EPS	447

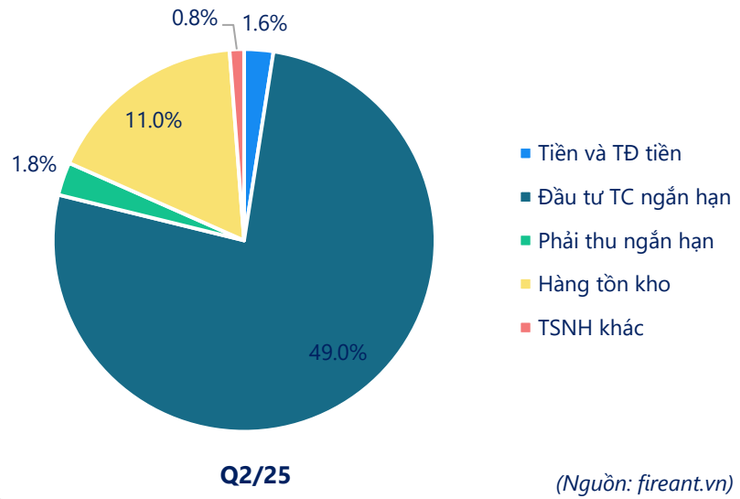
	YTD	1T	3T	6T
IRC	0.1%	2.6%	2.6%	0.1%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%

Cơ cấu Tổng tài sản



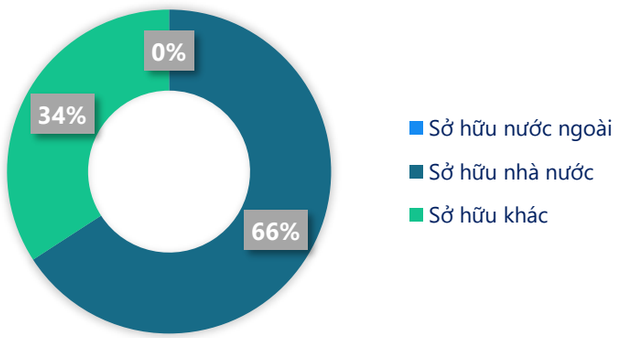
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



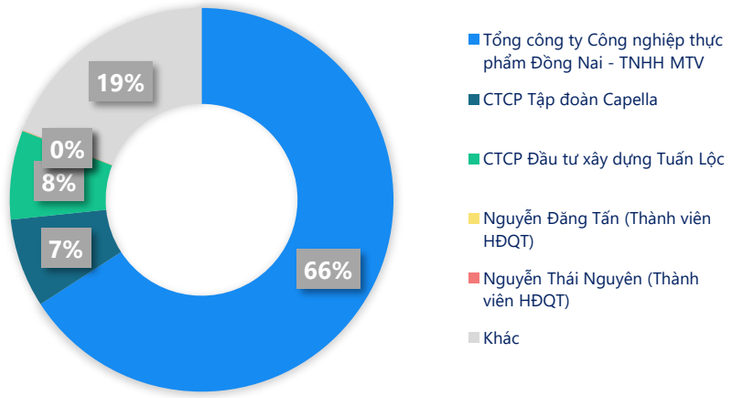
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



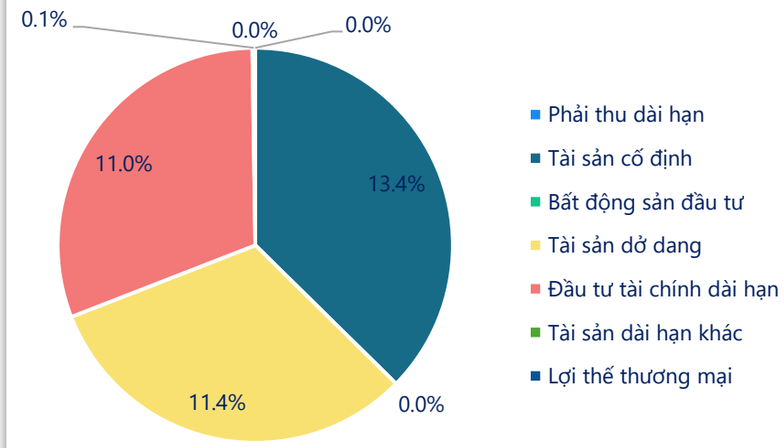
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

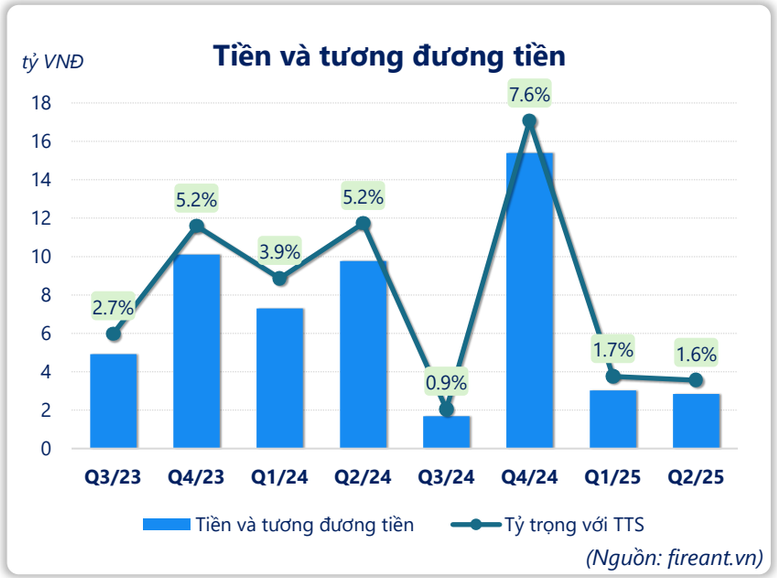
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



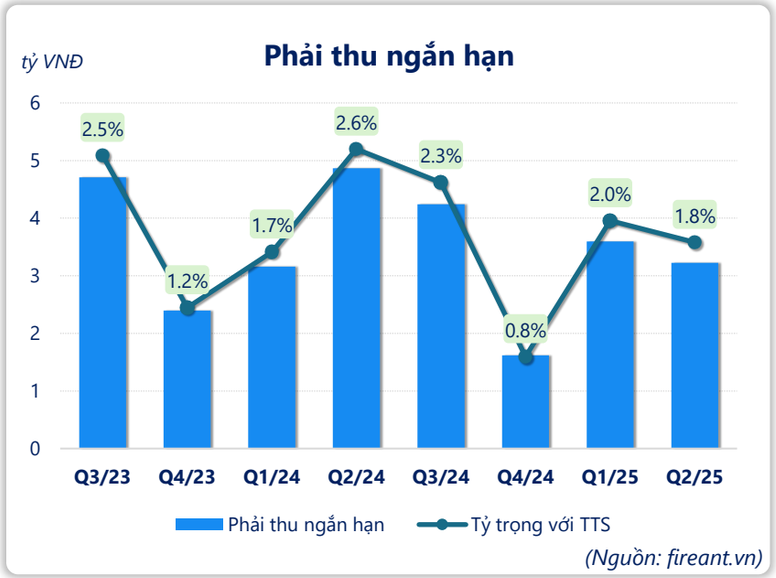
(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

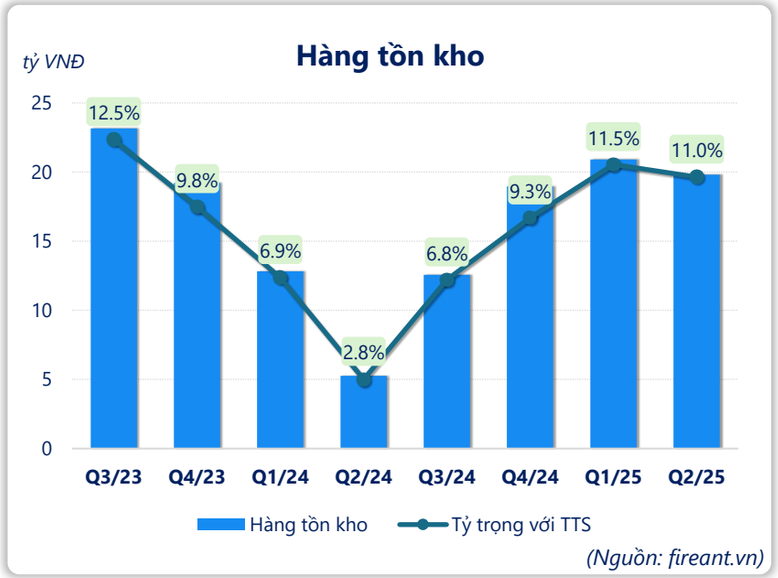
CTCP Cao su Công nghiệp (UPCOM: IRC)



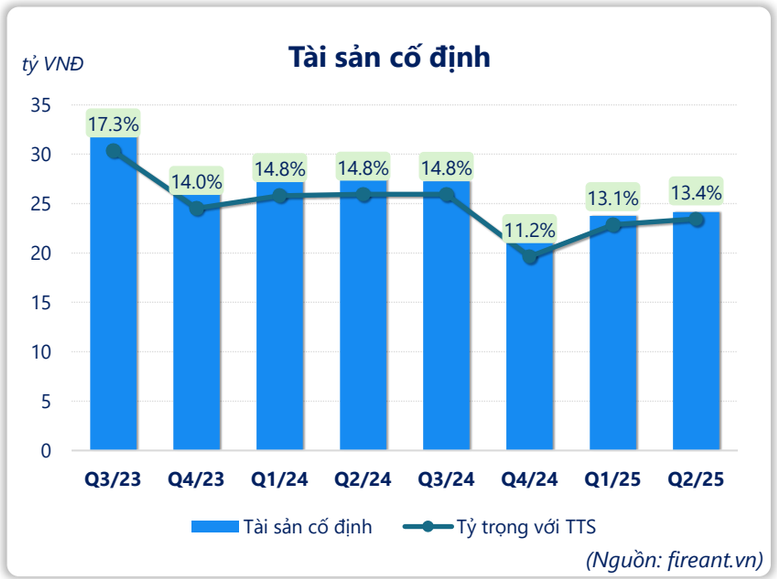
(Nguồn: fireant.vn)



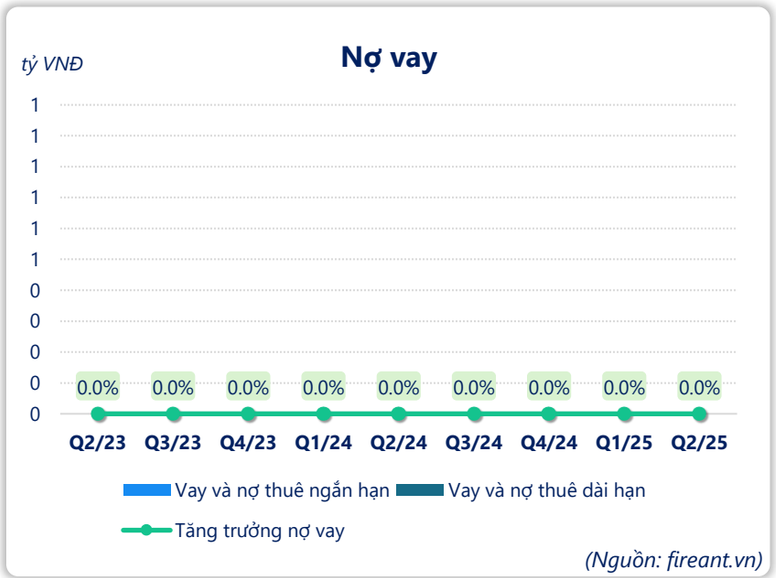
(Nguồn: fireant.vn)



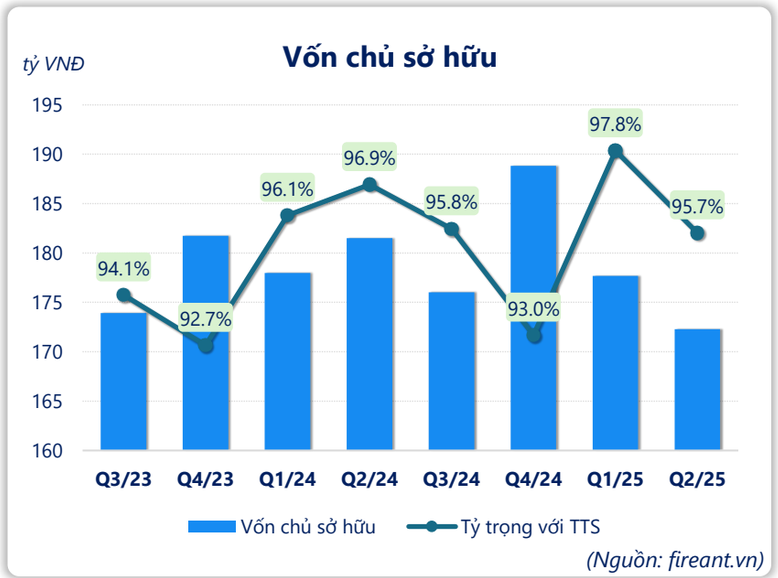
(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)

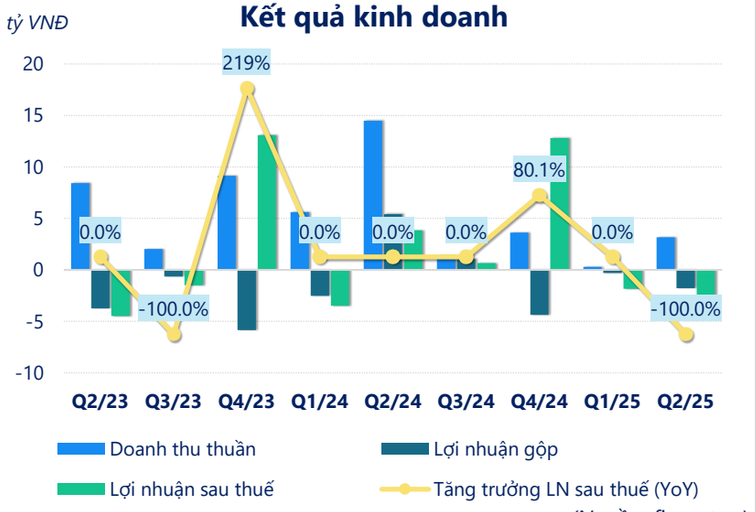


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

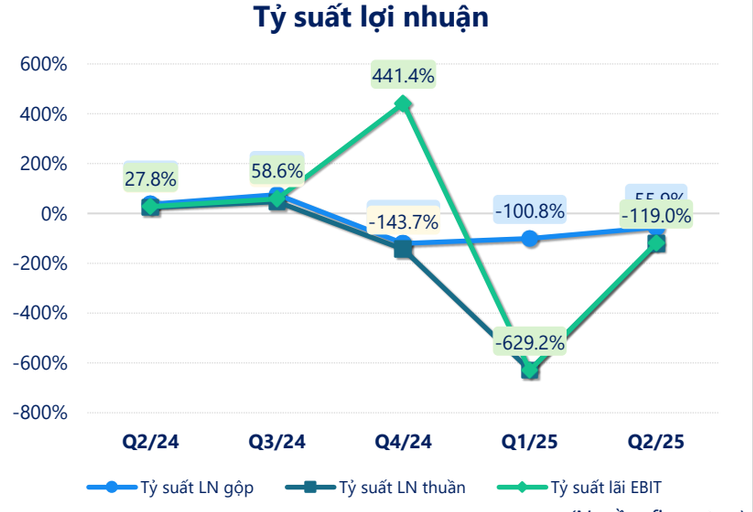
CTCP Cao su Công nghiệp (UPCOM: IRC)

Kết quả kinh doanh



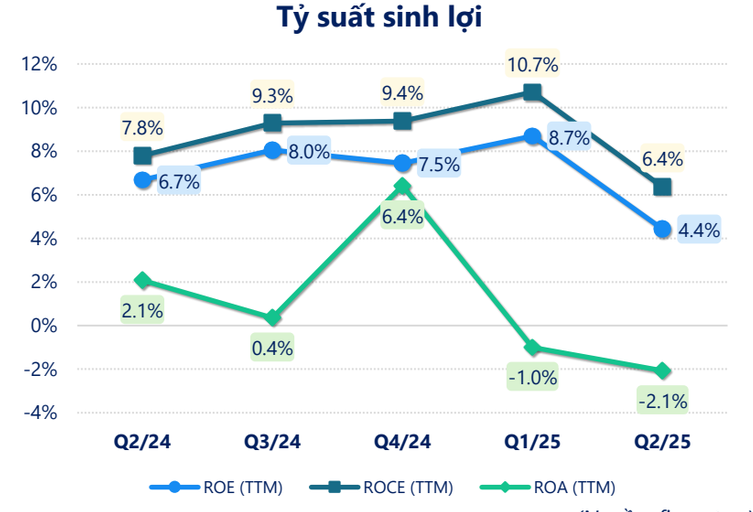
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



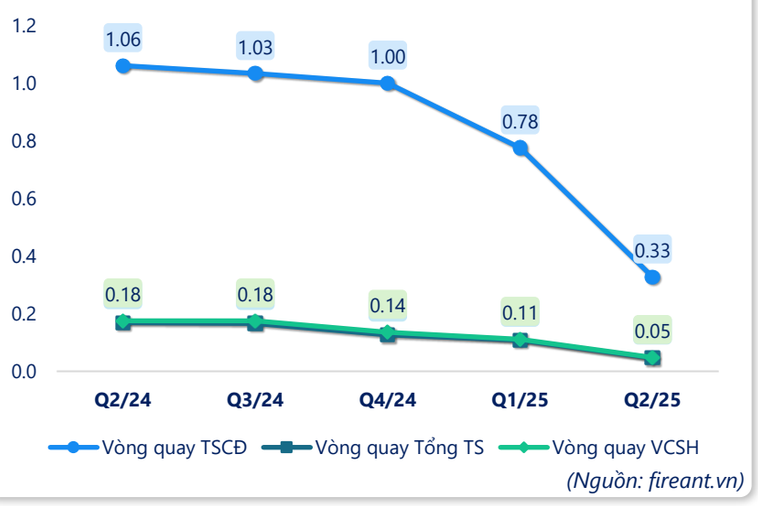
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



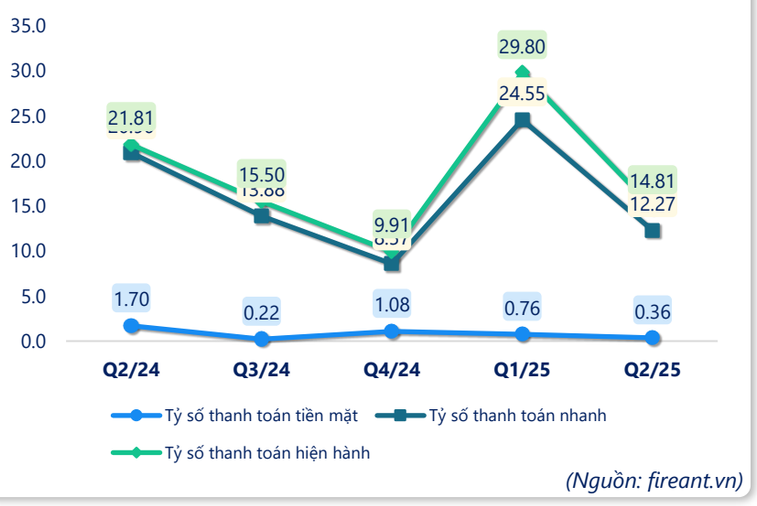
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



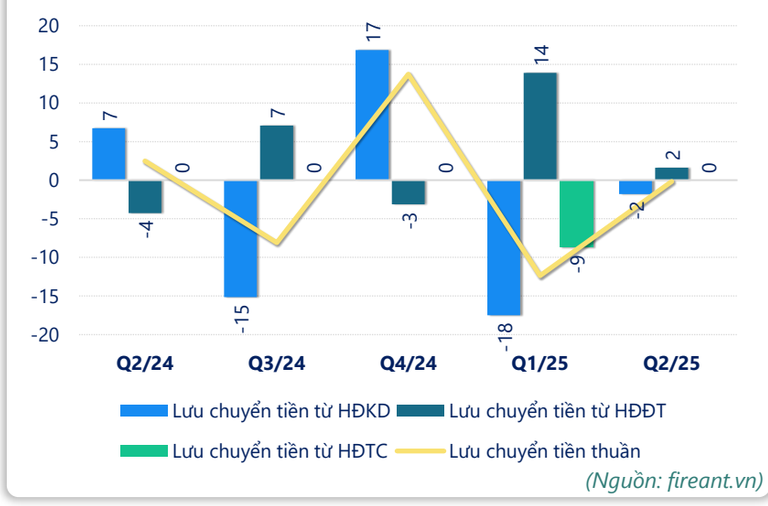
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Cao su Công nghiệp (UPCOM: IRC)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**180**	**203**	**-11.3%**
Tài sản ngắn hạn	115	141	-17.9%
Tiền và tương đương tiền	2.85	15.4	-81.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	88.2	105	-15.7%
Phải thu ngắn hạn	3.22	1.62	99.0%
Hàng tồn kho	19.8	19.0	4.4%
Tài sản ngắn hạn khác	1.41	0.05	3006%
Tài sản dài hạn	**64.6**	**62.4**	**3.6%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	24.1	22.8	6.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	20.5	19.4	5.9%
Đầu tư tài chính dài hạn	19.8	20.2	-2.0%
Tài sản dài hạn khác	**0.16**	**0.02**	**702%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	7.80	14.8	-47.2%
Nợ ngắn hạn	**7.80**	**14.8**	**-47.2%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	1.96	1.29	52.1%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**172**	**188**	**-8.5%**
Vốn chủ sở hữu	**172**	**188**	**-8.5%**
Vốn điều lệ	175	175	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	14.5	1.41	3.63	0.29	3.18
Giá vốn hàng bán	9.08	0.35	8.00	0.58	4.95
Lợi nhuận gộp	5.40	1.07	-4.37	-0.29	-1.78
Doanh thu HĐTC	1.49	1.34	1.46	1.29	1.18
Chi phí TC	0.57	0.13	-0.72	0	0.41
Chi phí lãi vay	0	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.04	0.00	0.00	0	0.00
Chi phí QLDN	2.77	1.61	3.02	2.82	2.83
LN thuần từ HĐKD	3.50	0.66	-5.21	-1.82	-3.84
Lợi nhuận khác	0.52	0.16	21.2	0.00	0.05
LN trước thuế	4.02	0.83	16.0	-1.83	-3.78
Lợi nhuận sau thuế	3.84	0.65	12.8	-1.83	-3.80
LNST của CĐ cty mẹ	3.84	0.65	12.8	-1.83	-3.80

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	6.72	-15.1	16.8	-17.5	-1.78
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-4.25	7.07	-3.12	13.9	1.60
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	-8.75	0
Tiền đầu kỳ	7.30	9.76	1.68	15.4	3.03
Lưu chuyển tiền thuần	**2.46**	**-8.08**	**13.7**	**-12.4**	**-0.18**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	9.76	1.68	15.4	3.03	2.85

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic